

CHIẾN TRANH VÀ HOÀ BÌNH Ở THỜI HIỆN ĐẠI - PHƯƠNG DIỆN TRIẾT HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN ĐẮC LÝ^(*)

1. Thời hiện đại, lưỡng đề chiến tranh và hoà bình đã được đặt thành một vấn đề toàn cầu gay gắt nhất, khiến cho nó trở thành vấn đề có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với sự sống còn của nhân loại. Nhiều cuộc chiến tranh xuất hiện, như một hiện tượng lịch sử - xã hội, đã đạt tới giới hạn đe dọa bản thân sự tồn tại của loài người. Quá trình toàn cầu hoá đang diễn ra mạnh mẽ cũng là yếu tố khiến vấn đề chiến tranh và hoà bình mang màu sắc mới, đòi hỏi phải được làm sáng tỏ về phương diện triết học xã hội.

Vốn được coi là một trong những phương tiện hữu hiệu để giải quyết các vấn đề chính trị trong nhiều thế kỷ trước, chiến tranh bắt đầu đánh mất ý nghĩa lịch sử của mình do những hậu quả khôn lường của xung đột hạt nhân. Cũng từ đó, giá trị của hoà bình ngày càng tăng lên, nó trở thành điều kiện cần thiết để duy trì nền văn minh nhân loại.

Những cuộc tranh luận về vị trí, vai trò và chức năng của chiến tranh trong đời sống xã hội đã có những thay đổi đáng kể. Trong quá khứ, nhiều nhà tư tưởng đã đưa ra những đánh giá phiến diện về chiến tranh và hoà bình, đã đem đặt chúng đối nghịch nhau, như cái thiện và cái ác trừu tượng,... Thí dụ, N.

Machiavelli, F. Bacon, T. Hobbes, P.-J. Proudon, F. Nietzsche, v.v... đã coi chiến tranh là động lực của phát triển xã hội, là điều kiện cần thiết cho sự tồn tại của nền văn minh nhân loại. Họ đặt chiến tranh cao hơn hoà bình, coi hoà bình như là sự trì trệ trong đời sống xã hội, sự suy thoái đạo đức của nó^(**). Lập trường ca ngợi chiến tranh bị đem đối lập với các quan điểm phủ định vai trò tiến bộ của chiến tranh. Các nhà tư tưởng tiến bộ, như W. Peni, J. J. Rousseau, I. Kant, v.v..., đã đánh giá chiến tranh như tập hợp mọi tội ác của nhân loại và hăng hái kêu gọi hoà bình. Họ gắn liền lời kêu gọi này với tư tưởng cải tạo xã hội mang tính tiến bộ^(***).

Theo chúng tôi, đặc trưng cho tất cả mọi quan điểm nêu trên là cách tiếp cận

(*) NCS., Giảng viên Học viện Cảnh sát nhân dân, Bộ Công an.

(**) Xem thêm: N. Machiavelli. Quân vương. H.: Tri thức, 2008, tr.120-136; F. Bacon. Works, t.4. London: 1970, s.198-246; T. Hobbes. Opera philosophica. London: 1945, t.4, s.64-83; F. Nietzsche. Werke, Bd. 1-3. Munchen: 1956, t.2, s.300-321.

(***) Xem thêm: J. J. Rousseau. Oeuvres complètes, t.1-13, t.8. P.: 1989, s.430-451; I. Kant. Gesammelte Schriften, Bd. 1-11, t.10. Berlin: 1921, s.262-286.

trừu tượng, phi lịch sử với chiến tranh và hoà bình. Bởi, trong xã hội có giai cấp, chiến tranh và hoà bình luôn có một nội dung giai cấp cụ thể, do vậy chiến tranh và hoà bình giữ các vị trí khác nhau và đóng các vai trò khác nhau trong tiến trình tiến bộ xã hội. Biện chứng của chiến tranh và hoà bình rất phức tạp do nội dung mâu thuẫn, nhiều chiều cạnh của chúng, như các trạng thái xác định của đời sống xã hội, sự kế tục và phương tiện chính trị của nhà nước, dân tộc, giai cấp.

Việc vùng lên đấu tranh vũ trang chống lại những kẻ áp bức và bóc lột, các dân tộc bị áp bức đương nhiên bác bỏ nền hoà bình trong đó họ bị lăng nhục, nô dịch, bóc lột. Chiến tranh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, giai cấp - xã hội, sự bảo vệ bằng vũ trang các thành tựu dân chủ của các dân tộc là chiến tranh chính nghĩa, nó thúc đẩy tiến bộ xã hội. Và, ngược lại, chiến tranh dẫn tới sự áp bức các dân tộc, quần chúng lao động, đến sự xâm lược lãnh thổ của người khác, đến chủ nghĩa thuộc địa và chủ nghĩa thuộc địa mới, là mang tính chất phản tiến bộ, kìm hãm tiến trình tiến bộ xã hội, là chiến tranh phi nghĩa.

Dấu hiệu bản chất của hoà bình là sự vắng mặt của đấu tranh vũ trang. Song điều này không loại trừ những khác biệt về đặc trưng của hoà bình. Chẳng hạn, hoà bình trên quy mô toàn cầu trước hết giả định sự vắng mặt chiến tranh thế giới, mặc dù không loại trừ chiến tranh và xung đột quân sự riêng biệt trên Trái đất. Đồng thời, hoà bình giữa hai nước cũng loại trừ chiến tranh. Hoà bình được phân biệt theo các cấp độ phát triển của mình. Cấp độ thấp nhất của nó là sự vắng mặt chiến tranh khi có

quan hệ quốc tế hay giai cấp hết sức căng thẳng. Đây là hoà bình bên bờ của chiến tranh, mà thực chất là trạng thái tiền chiến tranh. Trong điều kiện như vậy, người ta tăng cường chạy đua vũ trang, chuẩn bị chiến tranh, quân phiệt hoá đời sống xã hội. Và, ngược lại, việc nâng cao các cấp độ hoà bình thường đi liền với việc giải trừ quân bị. Trong điều kiện này, hoà bình bao hàm việc phát triển thành công quan hệ ngoại giao, thương mại và văn hoá giữa các nước.

Do vậy, với tư cách là các trạng thái khác nhau của đời sống xã hội, chiến tranh và hoà bình có các quan hệ khác nhau với nhau: từ sự đối lập hoàn toàn về đặc trưng cơ bản (sự hiện diện hay sự vắng mặt đấu tranh vũ trang) và các phương pháp chuyển biến cái này thành cái khác (bước chuyển đột ngột từ hoà bình sang chiến tranh, và ngược lại) đến các loại trạng thái quá độ khác nhau, khi mà xã hội dường như luồn vào chiến tranh. Trên giai đoạn như vậy, các cấp độ của hoà bình giảm đi đáng kể, sự đối đầu quân sự trở nên gay gắt hơn, thậm chí các xung đột quân sự có thể xuất hiện. Tuy nhiên quá trình này cũng có thể phát triển theo chiều hướng ngược lại.

2. Nghiên cứu chiến tranh và hoà bình ở thời hiện đại, không thể không nhận thấy một đặc trưng của nó như sự làm sâu sắc thêm tính chất của những chuyển biến xã hội khi chuyển từ hoà bình sang chiến tranh, và ngược lại. Cho dù khác nhau nhiều về quy mô, thời gian kéo dài, nội dung chính trị, phương thức tiến hành, song chúng ta vẫn nhận thấy một xu hướng đặc trưng cho thời hiện đại là sự gia tăng ảnh hưởng của bạo lực vũ trang đến mọi mặt đời sống xã hội. Dưới các hình thức phát triển

của mình, chiến tranh không những trở thành đấu tranh vũ trang của quân đội vì các mục đích chính trị mà còn là một trạng thái mới về chất của xã hội. Bước chuyển từ hoà bình sang chiến tranh gây ra những chuyển biến sâu sắc trong đời sống xã hội. Và mặc dù bạo lực vũ trang vì mục đích chính trị vẫn cấu thành bản chất của chiến tranh, quy định sự khởi xướng nó, song chiến tranh không chỉ quy thành đấu tranh vũ trang, mà là sự đối kháng trong mọi lĩnh vực xã hội, là sự cải tổ chúng một cách sâu sắc. Vì lợi ích của chiến tranh mà người ta tổ chức lại kinh tế, thượng tầng chính trị, đời sống tinh thần xã hội, hạn chế dân chủ, thay đổi cơ cấu, nội dung và mục đích của quan hệ ngoại giao, thương mại, văn hoá giữa các nước.

Nội dung chính trị của mỗi cuộc chiến tranh đều có hình thức kỹ thuật quân sự của mình, tức gắn liền với các phương tiện kỹ thuật và các phương thức tiến hành chiến tranh xác định. Giữa nội dung chính trị và hình thức kỹ thuật quân sự của chiến tranh có một sự tương tác phức tạp. Nội dung chính trị phản tiến bộ thường thể hiện ở các phương thức và các biện pháp tiến hành chiến tranh một cách man rợ, tàn ác. Do vậy, không phải ngẫu nhiên mà xu hướng thống trị trong phát triển hình thức kỹ thuật quân sự của chiến tranh hiện đại là việc tăng tốc độ chế tạo ra những vũ khí có sức phá huỷ ngày một lớn hơn, cụ thể là vũ khí hạt nhân. Chính vũ khí huỷ diệt hàng loạt đã tạo ra một bối cảnh mới trong thế giới hiện đại.

Trong thế kỷ XIX đã diễn ra khoảng 192 cuộc chiến tranh và 125 cuộc xung đột quân sự. Nội dung chính trị của chúng là tiến bộ vì chúng chủ yếu hướng

vào việc lật đổ chế độ chuyên chế và chế độ phong kiến, xoá bỏ ách áp bức của quân xâm lược, đàn áp các thế lực phản động (1, s.24-31). Nếu so chúng với các cuộc chiến tranh thời hiện đại thì chúng không đẫm máu và tàn phá ghê gớm. Tuy nhiên, trong bất kỳ trường hợp nào, phương diện phá huỷ của chiến tranh, hình thức kỹ thuật quân sự tiến hành nó ở thế kỷ trước cũng không động chạm tới sự tồn tại của nền văn minh và sự sống trên Trái đất. Nhờ khoa học kỹ thuật quân sự phát triển, bạo lực vũ trang ở thời hiện đại trở thành phương tiện quyết định chính sách đối nội và đối ngoại của các thế lực phản động; hình thức kỹ thuật quân sự tiến hành chiến tranh ngày càng trở nên mang tính phá huỷ và nguy hiểm hơn đối với sự tồn tại của toàn bộ các nước và các dân tộc; bước nhảy vọt lớn về quy mô chiến tranh, về số lượng mất mát và phá huỷ của các bên tham chiến đã diễn ra. Bên cạnh vô số chiến tranh và xung đột khu vực, hai cuộc chiến tranh thế giới cùng với những sự tàn phá ghê gớm đã xảy ra. Thế kỷ XX đã mang lại cho nhân loại số người hy sinh và thiệt hại lớn hơn so với nhân loại phải chịu đựng trong nhiều thế kỷ. Chẳng hạn, khoảng 14 triệu người đã hy sinh trong chiến tranh ở châu Âu suốt ba thế kỷ từ XVII đến XVIII. Trong khi đó thì chỉ riêng chiến tranh thế giới lần thứ hai đã làm thiệt hại hơn 54 triệu người (2, c.200-202).

Đồng thời những chuyển biến quan trọng cũng diễn ra trong nội dung giai cấp của hoà bình. Giá trị của hoà bình tăng lên nhân có sự tăng cường tính chất phá huỷ của chiến tranh và khả năng sử dụng hoà bình như điều kiện cần thiết để tổ chức lại đời sống xã hội loại trừ áp

bức một dân tộc, áp bức giai cấp. Trên thực tế, hoà bình được xác lập sau Chiến tranh thế giới thứ Hai là khác với hoà bình do Hiệp ước Versailles xác lập.

Như vậy, thời hiện đại gắn liền với việc vấn đề chiến tranh và hoà bình. Hoà bình trở thành điều kiện khách quan cần thiết để duy trì và phát triển nền văn minh nhân loại, để kế tục sự sống trên Trái đất. Toàn thể loài người tiến bộ đang tiến hành cuộc đấu tranh nhằm củng cố hoà bình, vì sự cùng tồn tại hoà bình và an ninh như nhau của mọi dân tộc.

Với tư cách một hiện tượng xã hội, chiến tranh đã trải qua những thay đổi quan trọng ở thời hiện đại. Đóng vai trò quan trọng trong quá trình này là các nhân tố kinh tế-xã hội và chính trị. Ở đây cần phải kể tới các tổ hợp quân sự công nghiệp và các công ty xuyên quốc gia. Logic tiến hoá nội tại của ngành quân sự, trình độ kỹ thuật quân sự của chiến tranh trực tiếp được quy định bởi những thành tựu khoa học - kỹ thuật. Do tác động từ phía chính sách của các thế lực phản động, cách mạng khoa học - kỹ thuật ngay lập tức nhận được định hướng quân phiệt hoá. Các quốc gia nỗ lực cải tổ lực lượng vũ trang của mình trên cơ sở khoa học - kỹ thuật mới. Những chuyển biến về chất diễn ra không những trong vũ khí và kỹ thuật quân sự mà cả trong phương thức và hình thức tiến hành chiến tranh, trong cơ cấu tổ chức, trong đào tạo nhân sự.

Cuộc cách mạng kỹ thuật quân sự biến thành một hiện tượng quốc tế, có khả năng đem lại cho chiến tranh thế giới tương lai một bộ mặt hoàn toàn mới. Nếu chiến tranh xảy ra thì hàng trăm triệu người sẽ trở thành nạn nhân,

sẽ xuất hiện tình trạng thiếu hụt hay hoàn toàn không có nước, lương thực, thuốc men, những người sống sót sẽ sống với nguy cơ bị nhiễm bệnh, quỹ gen sẽ bị đe dọa nghiêm trọng; những diện tích rộng lớn trên Trái đất sẽ trở thành nơi hoang vu do nhiễm phóng xạ; cân sinh thái sẽ bị phá vỡ, tức những quá trình không mong muốn sẽ xuất hiện trong cơ thể động vật, trong cây trồng, trong khí quyển.

Khái niệm chiến tranh hạt nhân và thảm hoạ hạt nhân ngày càng xích lại gần nhau. Song điều đó không có nghĩa là sự thay thế lẫn nhau được hoàn toàn của chúng. Danh từ "thảm hoạ" có nghĩa là diệt vong, gắn liền với mất mát về người. Yếu tố phá huỷ vượt ra khỏi sự kiểm soát như vậy của thảm hoạ cũng được nhấn mạnh đối với chiến tranh hạt nhân. Đồng thời cũng không nên coi chiến tranh hạt nhân đơn giản là thảm hoạ. Vấn đề là bất kỳ cuộc chiến tranh nào cũng được các lực lượng xã hội xác định chuẩn bị, cũng kế tục chính sách của chúng. Chiến tranh hạt nhân không phải là ngoại lệ. Bản thân khả năng giáng đòn hạt nhân đầu tiên đã là một chính sách tàn ác, nhằm chống lại nhân loại. Quan niệm về chiến tranh hạt nhân như sự kế tục chính sách của các thế lực cho phép phát hiện ra cội nguồn sâu xa của nguy cơ hạt nhân, chỉ ra kẻ phạm tội cụ thể của nó, huy động đông đảo quần chúng nhân dân tham gia vào cuộc chiến tranh chống chiến tranh.

Nguy cơ của chiến tranh hạt nhân thế giới còn có một phương diện quan trọng nữa đối với nền văn minh nhân loại. Việc chuẩn bị chiến tranh hạt nhân kéo theo việc tăng tốc độ chạy đua vũ trang. Sự gia tăng không kìm hãm được

chi phí quân sự tạo ra một tình huống mới về chất trên thế giới: ngày càng làm mất ổn định bối cảnh quốc tế, làm giảm bớt an ninh của các dân tộc, đặt một gánh nặng không chịu đựng được lên vai quần chúng lao động. Mỗi năm nhu cầu quân sự tiêu tốn hết hơn 650 tỷ USD. Theo tính toán của OON, gần 60 triệu người trên thế giới trực tiếp hay gián tiếp tham gia vào các công việc có định hướng quân sự. Hơn nữa, xu hướng thống trị trong chạy đua vũ trang là quá trình tăng nhanh giá của vũ khí và kỹ thuật quân sự. Việc cắt giảm 1% kinh phí chi cho vũ trang sẽ cho phép dùng khoảng 34 tỷ USD cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Do chạy đua vũ trang mà ở các nước đang phát triển, 400 triệu người bị đói, 300 triệu người mắc chứng thiếu máu, 100 triệu trẻ em có nguy cơ bị chết do thiếu dinh dưỡng và thiếu vitamin, 30% trẻ em không được đi học (3, c.126-130). Mặc dù vậy các nước này vẫn chiếm 11% ngân sách quân sự toàn cầu. Chủ nghĩa quân phiệt đã làm suy yếu cơ thể các nước đang phát triển, là trở ngại lớn trên con đường phát triển kinh tế - xã hội của chúng. Cuộc chạy đua vũ trang làm cho thế giới mất ổn định, là một cản trở lớn trên con đường giải quyết mọi vấn đề toàn cầu khác thời hiện đại: nguy cơ khủng hoảng sinh thái, bảo đảm nguồn năng lượng, nguyên liệu và lương thực cho nhân loại, xoá bỏ nghèo nàn, nâng cao mức độ bảo vệ sức khỏe, giáo dục, v.v...

Như vậy, việc loại bỏ nguy cơ chiến tranh hạt nhân, việc ngăn chặn chạy đua vũ trang, việc cắt giảm lực lượng vũ trang và ngân sách quân sự thể hiện là vấn đề cốt tử của nền văn minh nhân loại ở thời hiện đại. Lần đầu tiên trong

lịch sử nhân loại, vấn đề chiến tranh và hoà bình đã trở thành vấn đề tồn tại của nhân loại và tương lai của nó. Vấn đề này được đặt ra một cách gay gắt nhất: hoặc là nhân loại sẽ tìm ra sức mạnh và phương tiện để ngăn chặn thảm hoạ hạt nhân, chuyển nguồn dự trữ vật chất khổng lồ, được chi cho mục đích quân sự, sang cho việc giải quyết những vấn đề toàn cầu cấp bách, bảo đảm tiến bộ xã hội, hoặc là thế giới bị ném vào lò lửa của cuộc chiến tranh hạt nhân.

3. Vấn đề chiến tranh và hoà bình đã có một sắc thái mới trong bối cảnh toàn cầu hoá đang diễn ra mạnh mẽ trên tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội ở đầu thế kỷ XXI. Chiến tranh giữa các nền văn minh được đặt lên hàng đầu. Đó là sự xung đột giữa các nền văn minh, các nền văn hoá, các tôn giáo, mặc dù ở đây cũng có thể chỉ ra các nguyên nhân kinh tế và dân số. Chiến tranh giữa các nền văn minh đã bắt đầu diễn ra ở những nước riêng biệt. Dấu hiệu đầu tiên về xung đột như vậy là xung đột vũ trang giữa các cộng đồng Kitô giáo và Hồi giáo ở Lybanon vào những năm 80 thế kỷ XX. Sau đó, xung đột như vậy đã bắt đầu diễn ra ở hàng loạt nước khác, như ở Bosnia và Herzegovina, ở Afghanistan, Balkan, Zacaz và Chesnia, Jamu và Casmì, giữa Israel và các nước Arab.

Như vậy, theo chúng tôi, kinh nghiệm về chiến tranh giữa các nền văn minh ở thời hiện đại đã được tích lũy không ít. Đã đến lúc chúng ta cần phải tổng kết nó và chỉ ra đặc điểm, các nguyên nhân của chiến tranh ở thời hiện đại. Có thể nêu ra một số đặc điểm đặc trưng của chiến tranh giữa các nền văn minh như sau.

Thứ nhất, động cơ cơ bản thúc đẩy các nước tham gia xung đột vũ trang không chỉ là lợi ích thuần túy kinh tế và tư tưởng hệ, mà là *sự đối đầu văn minh*, là cuộc đấu tranh giữa các tôn giáo và các nền văn hoá khác nhau. Khẩu hiệu tiêu diệt tà giáo, thánh chiến lại được các thủ lĩnh cực đoan chủ nghĩa sử dụng, đi theo họ là hàng trăm triệu người. Đây là zíc zắc của lịch sử, là sự quay lại quá khứ, nhưng trên một cơ sở công nghệ mới, khi mà các nền văn minh xung đột có vũ khí hiện đại nhất và biết sử dụng các công nghệ thông tin hiện đại để gây chiến và tiến hành chiến tranh. *Thứ hai*, những khác biệt về loại hình văn hoá trong các nền văn minh khác nhau có tác động ở đây. Chủ nghĩa nguyên giáo hiện đại thường khởi xướng xung đột và chiến tranh giữa các nền văn minh. *Thứ ba*, ẩn nấp dưới cái vỏ văn hoá - tôn giáo là lợi ích sinh tồn hiện thực, và trước hết là sự khác nhau về xu hướng phát triển dân số của các nền văn minh khác nhau. Vì không gian sinh tồn mà con người sẵn sàng hy sinh, lao vào cuộc chiến với các cộng đồng khác. *Thứ tư*, động cơ kích thích mạnh mẽ xung đột giữa các nền văn minh là *lợi ích kinh tế*, khoảng cách ngày một tăng giữa các nền văn minh giàu và nghèo mà xu hướng dân số đảo sâu hơn nữa. Các nước và các nền văn minh nghèo không có gì để mất, để cứu mình và con cháu mình, nên chúng sẵn sàng làm tất cả, kể cả sử dụng vũ khí. *Thứ năm*, nguy cơ xung đột giữa các nền văn minh tăng lên do chính sách xâm lược của các công ty xuyên quốc gia đang lạm dụng toàn cầu hoá để bòn rút các nguồn tài nguyên thiên nhiên, tài chính và trí tuệ từ các nước kém phát triển, qua đó hạn chế khả năng phát triển và thoát ra

khỏi nghèo đói của các nước này, qua đó chúng làm tăng nguy cơ xung đột tự huỷ diệt toàn cầu giữa các nền văn minh. *Thứ sáu*, tính bất ổn địa chính trị, sự thiếu vắng cơ chế điều tiết và ngăn chặn hữu hiệu xung đột giữa các quốc gia, giữa các nền văn minh thúc đẩy chiến tranh giữa các nền văn minh.

Theo chúng tôi, việc đặt chiến tranh giữa các nền văn minh lên hàng đầu không phải ngẫu nhiên, mà nó được quy định bởi những nguyên nhân văn hoá - xã hội, dân số, kinh tế và chính trị. Những nhân tố làm tăng nguy cơ chiến tranh giữa các nền văn minh và những nhân tố chống lại nguy cơ ấy và dẫn tới sự hợp tác giữa chúng bao gồm dân số (xu hướng tăng không đồng đều sẽ làm tăng áp lực dân số ở các nền văn minh với tốc độ gia tăng cao, điều này có thể dẫn tới xung đột), kinh tế (sự gia tăng khoảng cách giữa các nền văn minh giàu và nghèo dẫn tới ý định phân chia lại của cái bằng con đường bạo lực), chiến lược sai lầm của các công ty xuyên quốc gia (vì lợi nhuận mà chúng bòn rút tài nguyên của các nước kém phát triển, qua đó làm tăng khoảng cách giữa các nền văn minh, phá vỡ tỷ lệ hợp lý giữa các khu vực kinh tế thế giới, cung cấp thêm vũ khí hiện đại, v.v...), chính sách thiển cận của nền văn minh phương Tây (ý định trở thành siêu cường duy nhất, gán ý muốn chủ quan của mình cho các nền văn minh khác, thực hiện độc quyền của mình, gán quan niệm của mình về trật tự thế giới cho các nền văn minh khác). Nhóm những nhân tố chống lại nguy cơ chiến tranh giữa các nền văn minh bao gồm nhân tố văn hoá - xã hội, tôn giáo và các phương tiện thông tin đại chúng, nhân tố kinh tế (thực sự và nhanh chóng giảm bớt khoảng cách về

(trình độ phát triển kinh tế và mức sống giữa các nền văn minh), nhân tố địa chính trị.

4. Đề cập tới nguy cơ xung đột toàn cầu, cần nói tới sự phân bố không đồng đều sức mạnh quân sự giữa các nền văn minh. Sức mạnh quân sự hoàn toàn không tỷ lệ thuận với dân số và sức mạnh kinh tế. Do vậy, vào đầu thế kỷ XXI, nguy cơ xung đột quân sự giữa các nền văn minh, chiến tranh toàn cầu không bị loại bỏ. Vì vậy, nhiệm vụ quan trọng của nhân loại là ngăn chặn nguy cơ ấy.

Không chỉ xung đột quân sự, mà *chiến tranh địa kinh tế, chiến tranh thông tin* hiện nay cũng đem lại hậu quả phá huỷ khủng khiếp. Chiến tranh địa kinh tế có mục đích phân chia lại thu nhập quốc dân và thu nhập thế giới, phá huỷ các cơ sở hạ tầng kinh tế, làm biến dạng hệ thống kinh tế - xã hội. Vai trò của chiến tranh địa kinh tế tăng lên trong điều kiện xung đột quân sự có thể mang tính tự huỷ diệt và quá trình hoà nhập nền kinh tế dân tộc vào nền kinh tế toàn cầu có thể đặt đất nước bên bờ vực của sự phá sản. *Chiến tranh địa thông tin* cô lập các nước hay các nền văn minh trong không gian văn hoá - xã hội thế giới, đem lại cho chúng bộ mặt của kẻ thù, có thể kéo theo xung đột vũ trang hay sự tồn tại trước các trừng phạt kinh tế và sự minh biện cho chúng. Mối nguy hiểm này tăng lên do toàn cầu hoá không gian thông tin và phần lớn phương tiện thông tin đại chúng chịu ảnh hưởng của một nhóm nhỏ các công ty xuyên quốc gia mà trụ sở đặt ở trung tâm nền văn minh phương Tây và phản ánh lợi ích của nó.

Do vậy, việc đặt lên hàng đầu chiến tranh giữa các nền văn minh không phải là ngẫu nhiên, nó được quyết định

bởi các nguyên nhân văn hoá xã hội, dân số, kinh tế và chính trị sâu sắc. Bốn nhân tố chủ yếu đó (*dân số, kinh tế, chiến lược sai lầm của các công ty xuyên quốc gia, chính sách thiển cận của các nền văn minh phương Tây*) có thể dẫn tới sự xung đột và chiến tranh giữa các nền văn minh. Vậy các nhân tố *phản kháng* hay những nhân tố nhằm chống lại chiến tranh ấy là gì?

Theo chúng tôi, cần phải đặt nhân tố văn hoá xã hội lên hàng đầu vì, mặc dù nó thường trở thành nguyên nhân của xung đột và chiến tranh giữa các nền văn minh, nhưng chính nó là hy vọng để giải thoát khỏi xung đột quân sự tự huỷ diệt giữa các nền văn minh. Vả lại, xét đến cùng, tất cả những gì diễn ra trong xã hội đều là sản phẩm hoạt động của con người, của các nhóm người (bao gồm các sắc tộc, các dân tộc, các nước, các nền văn minh) có trình độ hiểu biết và thói quen xác định, có văn hoá, hệ tư tưởng, khát vọng xác định, hợp nhất để đạt tới những mục đích đặt ra (mà có thể là sai lầm và dẫu sao thì cũng là mâu thuẫn đối với các nhóm khác nhau).

P.Sorokin đã tiên đoán tương lai của văn hoá xã hội tích hợp (4, c.46-68). Văn hoá xã hội tích hợp mang tính hài hoà, nó không dung hợp được với bành trướng quân sự, kinh tế, chủ nghĩa khắc kỷ tôn giáo và khát vọng tiêu diệt "tà giáo". Nó phù hợp với xã hội hậu công nghiệp mang tính nhân văn đang hình thành, là trụ cột tinh thần của nhân loại. Nó được UNESCO gọi là "văn hoá hoà bình", đó là: sự hiểu biết lẫn nhau và khoan dung; nhận thức và thừa nhận tính đa sắc thái và đa cực của thế giới, quyền bình đẳng và sự tương tác giữa các nền văn hoá, các dân tộc, các nền văn minh khác nhau; tôn trọng khả

năng ngăn chặn xung đột còn nếu chúng xuất hiện - biết tìm ra các giải pháp hoà bình, phi bạo lực để giải quyết chúng, không đưa tình hình đến bạo lực, chiến tranh. Song việc thay thế sự sùng bái chiến tranh bằng văn hoá hoà bình - công việc kéo dài, đòi hỏi nỗ lực của mọi nước và mọi nền văn minh.

Ngoài văn hóa xã hội tích hợp, thì còn cần cải biến xu hướng của động thái dân số, đặc biệt là ở các nước kém phát triển nhằm làm giảm tiền đề rõ nhất cho chiến tranh và xung đột giữa các nền văn minh, song không phải bằng con đường bạo lực. Tôn giáo và phương tiện thông tin đại chúng có thể đóng vai trò quyết định trong việc giải quyết vấn đề giảm tốc độ tăng dân số ở các nước, các khu vực và các nền văn minh kém phát triển, giảm nguy cơ xung đột quân sự. Có ảnh hưởng mạnh mẽ tới sinh hoạt gia đình, tôn giáo cần phải có tác động tích cực đến tín đồ, khích lệ họ bình thường hoá quá trình sinh đẻ vì lợi ích của các thế hệ tương lai, giải quyết xung đột bằng con đường hoà bình, phi bạo lực; còn phương tiện thông tin đại chúng cần phải tuyên truyền các mục đích và các phương pháp tự điều tiết của gia đình một cách tích cực, khéo léo, có phân hoá đối với các nước và các nền văn minh khác nhau, cần phải cảnh báo về mối nguy hiểm to lớn của việc duy trì các xu hướng đã hình thành đối với các thế hệ tương lai, về hậu quả chết người của xung đột giữa các nền văn minh. Nhân tố quan trọng thứ ba có thể làm giảm xu hướng dẫn tới chiến tranh giữa các nền văn minh, - *kinh tế*: việc giảm thật sự và tương đối nhanh khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế và mức sống của dân cư các nước và các nền văn minh khác nhau. Nhân tố thứ tư để

ngăn chặn chiến tranh giữa các nền văn minh - *địa chính trị*. Xung đột quân sự lớn hiện đại không thể có kẻ chiến thắng, ngược lại, chiến tranh toàn cầu giữa các nền văn minh sở hữu vũ khí nguyên tử đe dọa sự tồn tại của toàn thể nhân loại. Do vậy, ngăn chặn xung đột quân sự và dập tắt chúng, tạo dựng hoà bình trên quy mô toàn cầu là chức năng chủ yếu của Hội đồng an ninh của Liên Hợp Quốc.

Như vậy, với bản năng tự vệ và lý tính tập thể cần phải làm thay đổi tận gốc tính chất tiến hoá của xã hội loài người, ý thức về thảm hoạ toàn cầu cần phải kích thích những hành động xác định, bắt đầu làm thay đổi phương hướng phát triển, tiến hoá của xã hội. Chúng ta đã tiến tới không những bước ngoặt giữa các thiên niên kỷ mà cả bước ngoặt giữa các nền văn minh, bước ngoặt đòi hỏi con người phải khẳng định một lối suy nghĩ mới và một cơ cấu giá trị mới. Đó là trụ cột của phương diện địa chính trị trong xã hội nhân đạo hậu công nghiệp, trong loại hình văn hoá xã hội tích hợp đang hình thành. Song, đây là quá trình kéo dài, nguy cơ chiến tranh giữa các nền văn minh vẫn còn tồn tại, do vậy loài người phải nỗ lực hơn nữa nhằm ngăn chặn chiến tranh vào bảo vệ hòa bình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. M. M. Holansky. Rasxvet i raspad mirovoi ekonomiki. Moscow: 1996.
2. Yu. V. Yakovets. Istoria civilizaxii. Moscow: 1997.
3. Globalistika (enciclopedia, t.1. Moscow: 2001.
4. P. A. Sorokin. Glavnoe tendencii nashei epokhi. Moscow: 1997.